



dìng shū jī

订书机

noun · stapler

Example Sentences

Qǐng bǎ dìng shū jī dì gěi wǒ
请把订书机递给我。

Please pass me the stapler.

Zhè gè dìng shū jī méi yǒu dìng zǐ le
这个订书机没有钉子了。

This stapler has no staples left.

Trace each character, then write the word on your own.

订 订 订 订 订 订 订

书 书 书 书 书 书 书

机 机 机 机 机 机 机 机 机